

### **III GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN**

#### **1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong SGK**

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: *Yêu cầu cần đạt*, *Chuẩn bị*, *Tổ chức hoạt động dạy học*.

*Yêu cầu cần đạt* có nội dung thống nhất với SHS. Với mỗi phần gắn với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe và hoạt động thực hành tiếng Việt, các yêu cầu cần đạt của bài học

được phân tích và giải thích rõ hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của HS trong các hoạt động, nội dung dạy học cụ thể.

**Chuẩn bị** gồm hai nội dung: 1. *Tri thức ngữ văn cho GV*; 2. *Phương tiện dạy học*. Ở nội dung *Tri thức ngữ văn cho GV*, SGK trình bày, phân tích những khái niệm công cụ đầy đủ hơn và sâu hơn so với SHS. GV không phải trình bày lại cho HS những tri thức này vì những gì HS cần nắm thì đã có trong SHS, nhưng GV cần được trang bị thêm tri thức ngữ văn để có thể làm chủ được bài dạy. Ngoài ra, SGK cũng giới thiệu thêm một số tài liệu tham khảo để GV tự nghiên cứu, đào sâu thêm tri thức công cụ nếu thấy cần thiết. *Phương tiện dạy học* vừa có những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SHS, SGK và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu) vừa có những phương tiện riêng, đặc trưng cho từng bài học. GV cần nắm vững yêu cầu cần đạt của từng bài học và tính chất của các hoạt động trong bài để chuẩn bị cho phù hợp.

**Tổ chức hoạt động dạy học** bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SHS, bao gồm các nội dung chính sau:

- *Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn*: Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học phần mở đầu của bài học, đặc biệt là hướng dẫn GV cách giúp HS khai thác và vận dụng tri thức ngữ văn.

- *Đọc VB và Thực hành tiếng Việt*: Trong hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học đọc VB và hoạt động thực hành tiếng Việt có hai nội dung chính: *Phân tích yêu cầu cần đạt*; *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học* (gắn với các phần và các câu hỏi cụ thể trong từng bài). Bên cạnh những bài tập yêu cầu HS vận dụng kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học, còn có những bài tập đòi hỏi HS phải vận dụng những kiến thức đã học. Với cách thiết kế bài tập tiếng Việt như vậy, HS vừa được thực hành tiếng Việt gắn với ngữ cảnh là VB các em vừa đọc (các hiện tượng ngôn ngữ trong một VB ít khi chỉ liên quan đến một kiến thức ngôn ngữ duy nhất) vừa có cơ hội ôn lại kiến thức tiếng Việt đã học.

- *Viết, Nói và nghe*: Trong mỗi phần đều có hai nội dung quan trọng: *Phân tích yêu cầu cần đạt* và *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học*. Riêng phần *Viết* có thêm nội dung *Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn*. Đây là cơ sở để HS thực hành viết bài đáp ứng yêu cầu của chương trình, đồng thời là căn cứ để đánh giá sau khi các em hoàn thành bài viết.

- *Củng cố, mở rộng; Thực hành đọc*: Phần này tạo cơ hội cho HS tự học, tự đọc theo hướng dẫn. GV cần khuyến khích HS phát huy năng lực tự học khi khai thác các nội dung này. GV cũng có thể căn cứ vào những gợi ý trong SHS và SGK để xây dựng thêm các công cụ hướng dẫn tự học, tự ôn tập cho HS.

## 2. Hướng dẫn tổ chức dạy học

### 2.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

SGK *Ngữ văn 6* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, cụ thể:

#### 2.1.1. Phát huy tính tích cực của người học

Đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của người học, SGK *Ngữ văn 6* coi trọng những phương pháp tổ chức dạy học để HS hình thành cách học, cách tiếp nhận và tạo lập VB; thực hành, luyện tập, vận dụng nhiều thể loại và kiểu VB khác nhau. Từ đó, HS có khả năng học suốt đời và khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Nhiệm vụ của



GV là hướng dẫn, quan sát và hỗ trợ để HS từng bước hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực nêu trong mục tiêu của chương trình.

### **2.1.2. Dạy học tích hợp và phân hoá**

Dạy học tích hợp đòi hỏi GV Ngữ văn trước hết phải thấy được mối liên hệ nội môn, theo đó nội dung dạy đọc có liên quan và lặp lại ở các nội dung dạy viết, nói và nghe; kiến thức và kĩ năng đọc hiểu mà HS tích lũy được trong quá trình tiếp nhận VB thuộc các thể loại, loại VB khác nhau sẽ giúp cho kĩ năng viết, nói và nghe tốt hơn. Những kiến thức và cách diễn đạt mà HS học được trong quá trình đọc sẽ được sử dụng để thực hành viết. Nhiều nội dung được học khi đọc và viết sẽ được HS sử dụng khi nói. Cùng với yêu cầu tích hợp nội môn, trong khi dạy, GV còn phải biết tận dụng các cơ hội để lồng ghép một cách nhuần nhuyễn, hợp lí vào giờ học các yêu cầu giáo dục liên môn (Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên, Giáo dục công dân, Mĩ thuật, Âm nhạc...) và những nội dung giáo dục ưu tiên xuyên suốt trong Chương trình giáo dục phổ thông (chủ quyền quốc gia, hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, giáo dục tài chính,...).

Dạy học phân hoá có thể thực hiện bằng nhiều cách: nêu các câu hỏi, bài tập theo nhiều mức độ khác nhau; yêu cầu HS làm việc và lựa chọn vấn đề phù hợp với mình để giải quyết.

### **2.1.3. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học**

SGK *Ngữ văn 6* coi trọng kết hợp các hình thức dạy học theo cá nhân, theo nhóm, theo quy mô cả lớp được tổ chức trong và ngoài nhà trường. Những hình thức học bằng tham quan, dã ngoại, phỏng vấn, trải nghiệm, thực hiện dự án,... được khuyến nghị GV sử dụng khi dạy môn Ngữ văn, tạo cơ hội để HS học thông qua trải nghiệm.

Để tổ chức hoạt động học tập cho HS, sách coi việc sử dụng các phương tiện dạy học là một yêu cầu thiết yếu để phát triển tư duy cũng như rèn luyện kĩ năng sử dụng các phương tiện cho HS. Các phương tiện dạy học thường xuyên được sử dụng gồm: SHS; sách tham khảo, tài liệu in và tài liệu đa phương tiện; tác phẩm văn học theo chủ đề, theo thể loại, loại VB để HS đọc mở rộng; sách bài tập, máy tính nối mạng; các phương tiện trực quan: tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu,...

Theo định hướng của chương trình, SGK *Ngữ văn 6* khuyến khích GV sử dụng phối hợp một cách hợp lí các hình thức, phương pháp và phương tiện trong dạy học.

## **2.2. Hướng dẫn tổ chức một số dạng bài**

Để dạy học SGK *Ngữ văn 6*, GV cần nghiên cứu kĩ định hướng đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn trong chương trình và áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoạt động dạy học. Sau đây là những hướng dẫn và gợi ý bổ sung để tổ chức dạy học một số dạng bài trong SGK *Ngữ văn 6*.

### **2.2.1. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc**

Hoạt động đọc được thiết kế với 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. GV cần chú ý đến cả 3 bước này. *Trước khi đọc* có mục tiêu khởi động, chuẩn bị tâm thế cho người học. Vì thế, GV cần tổ chức, hướng dẫn để HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. Như vậy, ngoài việc trang bị cho HS các khái niệm công cụ để đọc hiểu VB theo mô



hình thể loại, loại VB như đã nói ở trên, GV cần “kích hoạt” đối tượng tiếp nhận để HS đọc hiểu VB trên nền tảng hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc của chính các em.

*Trong khi đọc* có những gợi ý về chiến lược đọc, được đặt trong các thẻ ở bên phải VB đọc, HS cần được hướng dẫn và chuẩn bị trước khi học trên lớp. GV cần có những lưu ý để HS quan tâm tới các chiến lược đọc này khi tự đọc thầm VB hay trong khi nghe GV hoặc bạn đọc thành tiếng, đọc mẫu trên lớp. Phần lớn các câu hỏi *Trong khi đọc* không yêu cầu HS phải dừng lại để trả lời mà chỉ là những lưu ý, chỉ dẫn để hỗ trợ HS trong quá trình đọc. GV nên làm mẫu cho HS để các em hiểu được trong quá trình đọc, các kiểu câu hỏi *Trong khi đọc* như suy luận, hình dung, tưởng tượng, dự đoán,... có tác dụng hỗ trợ như thế nào cho người đọc. Chẳng hạn, suy luận là suy đoán về điều mà tác giả không thể hiện trực tiếp trên VB. Kỹ năng này giúp người đọc nhìn sâu hơn vào suy nghĩ, hành động của nhân vật, kết nối được các sự việc, chi tiết trong VB, nhờ đó hiểu sâu sắc hơn nội dung và thông điệp của VB. GV hướng dẫn HS kết nối hiểu biết, trải nghiệm của chính mình với suy nghĩ, hành động của nhân vật, các sự việc, chi tiết trong khi đọc để hiểu được ẩn ý của tác giả. Hình dung, tưởng tượng là “vẽ” trong đầu hình ảnh về nhân vật, sự kiện, bối cảnh,... xuất hiện trong VB đọc. Kỹ năng này giúp người đọc hiểu và ghi nhớ các nhân vật, sự việc, chi tiết trong quá trình đọc. GV hướng dẫn HS sử dụng các chi tiết từ VB đồng thời sử dụng những trải nghiệm của chính mình để tạo ra các hình ảnh trong đầu. Dự đoán là đoán trước điều có thể xảy ra tiếp theo trong VB. Kỹ năng này giúp người đọc tham gia chủ động vào câu chuyện và phát triển kỹ năng suy đoán, làm cho việc đọc trở nên hấp dẫn và thú vị hơn. Trong quá trình đọc, những dự đoán ban đầu có thể được điều chỉnh khi người đọc có thêm thông tin. GV hướng dẫn HS dựa vào các dữ liệu trong VB như cách miêu tả bối cảnh và nhân vật, các sự việc đã xảy ra cho đến lúc dự đoán,... và hiểu biết, trải nghiệm của chính người đọc để suy đoán các sự kiện tiếp theo trong VB. Dựa vào nhan đề và tranh ảnh minh họa để suy đoán nội dung của VB cũng là một chiến lược gắn gũi với dự đoán. Nếu HS đọc trước VB ở nhà thì chiến lược dự đoán được áp dụng cho lần đọc đầu tiên đó. Tuy vậy, ở lớp GV vẫn có thể yêu cầu HS chia sẻ xem các em đã dự đoán như thế nào.

Có những câu hỏi hay yêu cầu trong khi đọc HS chỉ cần chú ý để tăng thêm hiệu quả đọc hiểu (như câu hỏi hay yêu cầu thuộc chiến lược hình dung, tưởng tượng, suy luận, theo dõi,...). Nhưng cũng có những câu hỏi, yêu cầu trong khi đọc HS có thể dừng lại và chia sẻ câu trả lời hay phản hồi (như chiến lược dự đoán). Trong khi đọc mẫu hay trong khi HS đọc thành tiếng, thỉnh thoảng GV có thể diễn giải lại cho HS nghe những gì diễn ra trong đầu với tư cách một người đọc có kinh nghiệm khi gặp những câu hỏi *Trong khi đọc*. Cùng với hoạt động trong khi đọc, GV cần hướng dẫn để HS có kỹ năng chủ động tìm hiểu các từ ngữ đã được chú thích hoặc tự tìm hiểu thêm những từ ngữ mới, khó trong VB.

Hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc* bám sát yêu cầu cần đạt của bài học. Cần nhấn mạnh, các câu hỏi *Sau khi đọc* chú ý khai thác những đặc điểm của VB xét về mặt thể loại, loại VB để thông qua việc đọc hiểu một VB cụ thể, HS từng bước hình thành và phát triển kỹ năng đọc các VB khác cùng thể loại, loại VB. HS cần đọc những câu hỏi này và chuẩn bị bài trước khi học trên lớp. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi của SHS, GV có thể sắp xếp lại các câu hỏi hay bổ sung, sáng tạo các câu hỏi khác nhằm bảo đảm hoạt động đọc hiểu thêm hiệu quả, nhưng không làm tăng áp lực lên HS và không đi chệch yêu cầu cần đạt của bài học.



### a. Dạy học đọc VB truyện

– VB truyện và mục tiêu dạy học đọc VB truyện trong SGK Ngữ văn 6:

+ Truyện là thể loại được dạy học nhiều nhất trong SGK Ngữ văn nói chung. Ở SGK Ngữ văn 6 có đến 4/9 bài học mà thể loại chính là truyện, trong đó có 2 bài dành cho truyện hiện đại và 2 bài dành cho truyện dân gian. Cụ thể, SGK Ngữ văn 6, tập một (bài 1 và 3) có 4 VB đọc chính là truyện hiện đại: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé*, Ăng-tơ-an đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri), *Cô bé bán diêm* (Han Cri-xti-an An-đéc-xen), *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam). Cả 4 VB này đều có những chủ đề rất gần gũi, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi: tình bạn và sự yêu thương, chia sẻ.

SGK Ngữ văn 6, tập hai, ở bài 6 và 7 có 5 VB đọc hiểu là truyện dân gian, trong đó có 2 truyện thuyết và 3 truyện cổ tích: *Thánh Gióng* (truyện thuyết Việt Nam); *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (truyện thuyết Việt Nam); *Thạch Sanh* (truyện cổ tích Việt Nam); *Cây khế* (truyện cổ tích Việt Nam); *Vua chích choè* (truyện cổ Gờ-rim).

Ở bài 2 (thể loại chính là thơ) có VB truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) và bài 8 (loại VB chính là nghị luận) có VB truyện *Bài tập làm văn* (trích *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*, Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê) được đưa vào trên cơ sở kết nối về chủ đề với các VB đọc chính của hai bài này. Ngoài ra, trong cả 4 bài có thể loại chính là truyện (1, 3, 6 và 7) còn có các VB truyện đặt ở phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) gồm: *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô*, Nguyễn Nhật Ánh) ở bài 1, *Lắc-kì thực sự may mắn* (trích *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*, Lu-i Xe-pun-ve-da) ở bài 3, *Bánh chưng, bánh giầy* (truyện thuyết Việt Nam) ở bài 6, *Sợ Dừa* (truyện cổ tích Việt Nam) ở bài 7.

+ Mục tiêu dạy học đọc VB truyện được thể hiện cụ thể trong yêu cầu cần đạt các bài học 1, 3, 6 và 7; chủ yếu tập trung vào yêu cầu: nhận biết được một số yếu tố cơ bản của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết và truyện cổ tích; nhận biết người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB; nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.

– Chuẩn bị:

+ Những kiến thức GV cần nắm: Với lớp 6, tuy yêu cầu cần đạt của chương trình chưa đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của các thể loại truyện, nhưng GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện nói chung và truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích nói riêng. Từ đó, có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học đọc theo “mã” thể loại; giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VB truyện.

Những kiến thức cơ bản GV cần nắm gồm có các yếu tố cơ bản của truyện nói chung như: cốt truyện, người kể chuyện, nhân vật; đặc điểm của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.

• *Cốt truyện* là hệ thống các sự kiện cụ thể, được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc. Cốt truyện cổ điển thường được tổ chức theo quan hệ nhân quả, với 5 thành phần: *trình bày, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút*. Cốt truyện hiện đại



có xu hướng thoát khỏi mô hình nhân quả và phá vỡ tính liên tục về thời gian. Cốt truyện vừa là phương tiện khám phá tính cách nhân vật, tái hiện bức tranh đời sống, phản ánh xung đột xã hội vừa tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Hiểu nội dung và kết cấu cốt truyện là điều kiện đầu tiên để hiểu nhân vật và chủ đề của tác phẩm.

- *Người kể chuyện* là nhân vật do tác giả tạo ra để kể câu chuyện. Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) là một nhân vật trong truyện, chứng kiến và kể lại các sự kiện nên không chỉ kể mà còn có thể trực tiếp bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ. Người kể chuyện ngôi thứ ba “giấu mình” khiến người đọc có cảm giác câu chuyện như đang tự nó diễn ra. Mỗi loại ngôi kể đều có thể mạnh và giới hạn nhất định. Ngôi kể thứ nhất gắn liền với phạm vi hiểu biết, quan điểm của một người; trong khi ngôi kể thứ ba lại có khả năng “biết hết” mọi chuyện. Hai loại ngôi kể này có thể kết hợp, đan cài trong truyện kể hiện đại. Lời kể của người kể chuyện không chỉ tái hiện bức tranh đời sống mà còn bộc lộ cách nhìn nhận, đánh giá về bức tranh đời sống ấy. Vì vậy, khi đọc hiểu VB truyện, rất cần xác định rõ ngôi kể, giọng điệu và điểm nhìn của người kể chuyện.

- *Nhân vật* là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... có đời sống, tính cách riêng được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của truyện kể, gắn chặt với chủ đề tác phẩm và thể hiện lí tưởng thẩm mĩ, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người. Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết *ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác*,...

- *Truyện đồng thoại*: một thể loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Các tác giả truyện đồng thoại sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ. Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hoá và khoa trương cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này.

- *Truyện truyền thuyết*: truyền thuyết quan tâm phản ánh những sự kiện và nhân vật có liên quan đến lịch sử qua các yếu tố hư cấu, tưởng tượng, kì ảo. Lỗi sự thật lịch sử ẩn chứa trong truyền thuyết nhưng truyền thuyết không phải là lịch sử mang tính khách quan mà là lịch sử được huyền thoại hoá. Truyền thuyết thường phản ánh thành tựu, chiến công của cộng đồng trong lịch sử, kết tụ qua một sự kiện lịch sử cụ thể, một nhân vật lịch sử tiêu biểu, với hai kiểu nhân vật chính: nhân vật anh hùng văn hoá (trong sự nghiệp dựng nước) và anh hùng chiến trận (trong sự nghiệp giữ nước). Nhân vật anh hùng là hình ảnh đại diện cho sức mạnh của cộng đồng, cho nguyện vọng, xu thế chung của cộng đồng. Nhiệm vụ của họ chính là nhiệm vụ trọng đại của cộng đồng và chiến công của họ cũng là chiến công mang tầm vóc dân tộc tại thời điểm đó.

Một mô thức chung cho mọi anh hùng của truyền thuyết là: sự ra đời thần kì (thể hiện nguồn gốc cao quý); chiến công mang màu sắc siêu nhiên, ảnh hưởng tới số phận cộng đồng; cái chết như là sự hoá thân bất tử.



Thời gian câu chuyện được kể trong truyền thuyết thường được xác định bằng một thời điểm lịch sử cụ thể nào đó (*Vào đời..., Năm thứ..., Đến năm... đời...*). Không gian trong các truyền thuyết cũng thường gắn với một địa danh cụ thể, xác định, ví dụ: truyện *Thánh Gióng* liên quan đến một số địa danh có thật như làng Phù Đổng, huyện Gia Bình, núi Trâu Sơn, núi Ninh Sóc, làng Cháy,... với nhiều dấu tích như những ao hồ liên tiếp, tre đằng ngà; truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nói rõ Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên (Ba Vì), nơi Vua Hùng đóng đô là thành Phong Châu xưa; truyện *Sự tích Hồ Gươm* gắn với những địa danh cụ thể ở vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh và kinh đô Thăng Long – Hà Nội;...

- *Truyện cổ tích* thường có các đặc điểm nổi bật sau đây: một thế giới hư cấu, kì ảo; có chức năng nhận thức xã hội; mang tính chất giáo huấn đạo đức; có nội dung giải thích nguồn gốc, sự tích của con vật, đồ vật, phong tục, tập quán,...

Nhân vật của truyện cổ tích thường là những kiểu người đại diện cho một tầng lớp, một thế lực, được thể hiện thành những mô-típ như “dũng sĩ”, “người mồ côi”, “người em út”, “người mang lối”,... có chức năng minh họa cho quan niệm của nhân dân về thiện hoặc ác, xấu hoặc tốt, chính nghĩa hoặc phi nghĩa. Các yếu tố hành động, lời nói, hình dáng của nhân vật đều mang tính ước lệ, có tính công thức, không có dấu ấn riêng biệt, không mang tính cá thể hoá như các nhân vật trong truyện hiện đại. Với truyện cổ tích, cốt truyện (thường theo các mô-típ), nhân vật và hành động của nhân vật là những đặc điểm quan trọng cần khai thác.

- + Phương tiện dạy học: GV nên chuẩn bị đoạn phim ngắn, phiếu học tập, tranh ảnh có liên quan.

- Triển khai các hoạt động dạy học:

- + Mở đầu bài học, GV tổ chức một số hoạt động dạy học được quy định chung cho tất cả các bài:

- Giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HS đọc phần *Giới thiệu bài học* để nắm được chủ đề bài học và thể loại, loại VB đọc. HS trao đổi trong nhóm, sau đó một số HS trình bày trước lớp. GV và HS thống nhất cách hiểu.

- Khám phá *Tri thức ngữ văn*: Ở Tiểu học, HS đã học đọc một số tác phẩm truyện nhưng chưa được trang bị tri thức ngữ văn về thể loại. Vì vậy, GV cần dành thời gian cho HS đọc, nhận biết được các khái niệm công cụ: *người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, truyện đồng thoại, lời nhân vật và lời người kể chuyện*,... nhưng tránh đi sâu vào lí thuyết.

- + Hoạt động đọc VB truyện được thực hiện theo các bước như đọc các VB thuộc những thể loại, loại VB khác, thường theo các bước: khởi động (trước khi đọc), đọc VB, trả lời câu hỏi, viết kết nối với đọc (VB 3 không có yêu cầu viết kết nối với đọc, hoạt động khởi động trước khi đọc thì linh hoạt). Tuy nhiên có một số đặc điểm riêng cần lưu ý.

- Hoạt động đọc VB: VB truyện trong SGK *Ngữ văn 6* có độ dài khoảng từ 4 đến 6 trang (gồm cả tranh minh họa). Muốn đọc hiểu tác phẩm truyện, trước hết cần nắm được cốt truyện nên HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. Trên lớp, GV có thể cho HS đọc to một số đoạn quan trọng, hoặc sử dụng hình thức đọc theo “vai” (người kể chuyện, các nhân vật). Khi đọc các VB truyện, GV cần hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược *theo dõi, dự đoán*,...

- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Như hệ thống câu hỏi sau khi đọc của *Ngữ văn 6* nói chung, các câu hỏi sau khi đọc ở bài 1, 3, 6, 7 bám sát các yêu cầu cần đạt và được thiết kế theo ba nhóm: *nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng*.

Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường gắn với yêu cầu nhận diện người kể chuyện (ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba); tìm các chi tiết miêu tả thời gian, không gian; xác định sự kiện chính; tóm tắt được nội dung cốt truyện. Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* giúp HS nắm bắt được đặc điểm của nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, cảm xúc; các yếu tố của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật, lời kể,...); tiếp nhận được những bài học qua cách nghĩ, cách ứng xử được gợi ra từ các VB. Ví dụ: bài học về cách kết bạn, ý nghĩa của tình bạn và trách nhiệm với bạn bè (*Nếu cậu muốn có một người bạn...*); bài học về giá trị của tình yêu thương, sự chia sẻ (*Gió lạnh đầu mùa*);... Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* chú trọng phát triển năng lực đánh giá, vận dụng của HS và bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em. Chẳng hạn, khi trả lời câu hỏi *Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa nhất với chính mình?*, HS có thể lựa chọn theo trải nghiệm cá nhân, chia sẻ về một bài học mà bản thân mình hiểu và tâm đắc. Điều này giúp HS có hứng thú và phát huy sự chủ động, độc lập, sáng tạo trong việc đọc hiểu tác phẩm.

+ Một số lưu ý cho hoạt động dạy học đọc VB truyện ở đây và cũng áp dụng cho việc dạy học đọc các VB thuộc những thể loại, loại VB khác:

- *Ngữ văn 6* chỉ cung cấp thông tin về tác giả ở mức độ hạn chế. Thông tin đó có thể được đặt trong khung ngay sau VB đọc, kèm theo ảnh chân dung của tác giả (đối với những tác giả đã xác lập được vị trí nổi bật trong lịch sử văn học hay đời sống văn hoá nói chung, có tác phẩm được đặt ở vị trí VB 1, VB 2, VB 3) hoặc chỉ là cước chú ngắn gọn ở trang đầu tiên của VB đọc (đối với những tác giả ít tên tuổi hơn hoặc có tác phẩm được đặt ở vị trí VB 4 để HS thực hành đọc). Có trường hợp không ghi chú gì về tác giả nếu VB đọc chỉ là một bài viết ngắn hay VB thông tin đăng trên báo, tạp chí thông thường và người viết ít xuất hiện... *Ngữ văn 6* chú trọng người đọc cần tập trung vào VB; quá trình tìm hiểu, khám phá VB không nên bị tác động bởi những yếu tố bên ngoài nó. Vì vậy, GV không cần dành thời gian để tổ chức hoạt động tìm hiểu về tác giả như cách dạy học truyền thống mà để cho HS tự tìm hiểu qua một số thông tin trong SGK và có thể mở rộng thêm từ các nguồn khác nếu muốn.

- GV nên sử dụng linh hoạt hệ thống câu hỏi (thay đổi trật tự, tách, ghép,...), bổ sung những câu hỏi mới phù hợp với đối tượng HS, hướng đến phát triển năng lực đọc của HS. Cụ thể là qua việc trả lời câu hỏi, HS biết cách đọc hiểu các VB tương tự thuộc cùng thể loại hoặc loại VB theo cùng mô hình.

- Sau khi trả lời câu hỏi về VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài, HS được yêu cầu viết đoạn văn ngắn ở mục *Viết kết nối với đọc*.

- GV cần yêu cầu HS thực hiện nhiều hình thức hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học:

Chuẩn bị bài trước ở nhà;

Trả lời các câu hỏi mà GV yêu cầu, nhất là câu hỏi sau khi đọc ở SHS;

Tương tác với GV trong hoạt động vấn đáp;



Hoàn thành phiếu học tập mà GV giao;  
Trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra;  
Thuyết trình kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ;  
Chuẩn bị một số tư liệu ( tranh, ảnh, hiện vật, đoạn phim ngắn) cần cho bài học và tìm  
ngữ liệu đọc mở rộng theo hướng dẫn của GV.

### **b. Dạy học đọc VB thơ**

– VB thơ và mục tiêu dạy học đọc VB thơ trong SGK Ngữ văn 6:

+ Trong *Ngữ văn 6* có 6 VB thơ được chọn làm VB đọc chính là *Chuyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh) ở bài 1, *Mây và sóng* (Ta-go) ở bài 2, và *Chùm ca dao về quê hương, đất nước* ở bài 3, *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ) ở bài 4. Có 4 VB thơ được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề với các VB đọc chính: *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh) ở bài 1, *Con chào mào* (Mai Văn Phấn) ở bài 3, *Cửu Long Giang ta ơi* (trích, Nguyễn Hồng) ở bài 5, *Trái Đất* (Ra-xun Gam-da-tốp) ở bài 9.

Ngoài ra, còn có các VB thơ được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có thể loại chính là thơ: *Những cánh bướm* (Hoàng Trung Thông) ở bài 2 và *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở bài 4.

+ Các VB thơ được chọn đọc trong *Ngữ văn 6* đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thơ, từ đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ở các VB thơ, hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong SGK đều hướng HS tới:

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát (*Chùm ca dao về quê hương đất nước*, *Chuyện cổ nước mình*); từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (so sánh, điệp ngữ, nhân hoá, ẩn dụ,...); các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ (*Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*).

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp về tình cảm gia đình (*Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*), tình yêu quê hương đất nước (*Chùm ca dao về quê hương đất nước*, *Chuyện cổ nước mình*).

– Chuẩn bị:

+ Những kiến thức GV cần nắm:

- Kiến thức chung về *ngôn ngữ thơ*: Đó là ngôn ngữ được nhà thơ chắt lọc, lựa chọn kĩ lưỡng, vì vậy rất hàm súc, gợi hình, gợi cảm, giàu tính nhạc và thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ,...

- Kiến thức về *hình ảnh thơ; vần; các biện pháp tu từ* như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ; *yếu tố tự sự và yếu tố miêu tả* trong thơ; *số tiếng, số dòng, nhịp* (thơ lục bát),... Ngoài ra, GV cũng cần hiểu biết thêm về *nhân vật trữ tình* và những yếu tố góp phần tạo nên tính nhạc cho thơ như *nhịp, thanh điệu, âm điệu*,...

+ Phương tiện dạy học:

GV nên chuẩn bị đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), phiếu học tập, tranh ảnh có liên quan,...

– Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB thơ:

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB thơ trong *Ngữ văn 6* có một số đặc điểm riêng sau đây:

+ Hoạt động đọc VB: HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. GV lưu ý HS sử dụng chiến lược *hình dung* và *theo dõi* trong khi đọc VB thơ. GV cũng có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ, nhưng cần tránh làm gián đoạn mạch đọc của HS.

+ Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi sau khi đọc hướng tới khai thác những đặc điểm của VB thơ cũng như những giá trị nhân văn của tác phẩm.

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường hướng tới yêu cầu HS xác định những yếu tố hình thức thơ như số dòng, số đoạn (khổ), số tiếng trong một dòng, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ, các hình ảnh,...

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* yêu cầu HS tìm ra nội dung của VB thơ như cảm xúc của tác giả, chủ đề, thông điệp,...

+ Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* nhằm phát triển khả năng liên hệ, so sánh, kết nối với các VB thơ khác cùng chủ đề, thể loại; với cuộc sống và với bản thân của HS như trách nhiệm với gia đình, quê hương.

### **c. Dạy học đọc VB kí**

- VB kí và mục tiêu của việc dạy học đọc kí trong SGK *Ngữ văn 6*:

+ Trong *Ngữ văn 6* có 2 VB kí được chọn làm VB đọc chính, tập trung ở bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Đó là các VB: *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Ên* (Hà My). Có một VB kí được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề với các VB đọc chính: *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới) ở bài 4. Ngoài ra, còn có VB *Nghìn năm tháp Khương Mỹ* (Lam Linh) dành cho HS thực hành đọc ở cuối bài 5.

Các VB kí ở *Ngữ văn 6* chủ yếu là du kí – một trong nhiều thể loại của kí. Lựa chọn du kí dạy ở lớp 6 là phù hợp tâm lí lứa tuổi HS. Ở tuổi này, HS đang có xu hướng đưa tầm mắt vượt khỏi mái nhà thân thuộc, hướng ra cuộc sống bên ngoài, hứng thú khám phá thế giới, thích những trải nghiệm mới mẻ. Dạy các bài kí cụ thể, GV không những cho HS nhận biết về thể loại du kí mà còn giúp HS bước đầu nhận biết đặc trưng của kí nói chung.

+ Qua việc dạy các VB cụ thể, GV cần cho HS thấy hình thức ghi chép là dấu hiệu chính để xác định một VB kí. Ở cả ba bài kí: *Cô Tô*, *Hang Ên*, *Nghìn năm tháp Khương Mỹ*, cách kể sự việc liên quan tới trình tự kể, cách quan sát và miêu tả của tác giả. Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong du kí (thực chất là chủ thể viết kí) chính là người trực tiếp thực hiện chuyến đi. HS cần nhận biết được “cái tôi” của người viết kí qua chủ đề VB, cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

- Chuẩn bị:

+ Những kiến thức GV cần nắm:

• *Đặc trưng của kí*: Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực (sự việc, sự vật, con người, tư tưởng, quan niệm,... có thật trong đời sống). Ở kí, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình, nghị luận, tư duy khoa học. Đọc một tác phẩm kí cần chú ý đến *chủ thể viết, thông tin, bố cục*.



• *Đặc điểm của thể loại du kí:* Du kí là một thể loại kí dùng để ghi chép những điều mắt thấy tai nghe của người viết qua một chuyến đi. Du kí phản ánh những nhận biết, truyền đạt những cảm tưởng, suy nghĩ mới mẻ của người viết về cuộc sống, con người, phong tục, cảnh quan ở những miền đất mới. Đọc du kí cần khai thác các phương diện: *trình tự một bài du kí* (thường theo trình tự chuyến đi), *người viết cũng là người kể chuyện* (trực tiếp thực hiện chuyến đi, vì những mục đích khác nhau như khám phá cuộc sống của con người, trải nghiệm sống trong tự nhiên hoang dã, tìm hiểu lịch sử – văn hoá), *chi tiết xác thực* (địa danh, tên người, các số liệu, sử liệu, các hình ảnh mô tả thực tế,...).

+ Phương tiện dạy học: Khi dạy du kí, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học như bản đồ, ảnh, đoạn phim ngắn,... để thuyết minh thêm về vùng đất mà bài du kí nói tới.

- Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB kí: Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB kí trong *Ngữ văn 6*, cần đặc biệt lưu ý mấy điểm sau:

+ Hoạt động đọc VB: GV cần chú ý các chiến lược đọc ở mỗi bài.

+ Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc một VB và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi sau đọc. Cần chú ý, mỗi câu hỏi (tuỳ bài cụ thể) để cập một phương diện nổi bật trong đặc trưng của du kí.

• Những câu hỏi liên quan đến người kể chuyện, hành trình du kí, xác định địa danh, con người cụ thể, yêu cầu tìm chi tiết,... thường thuộc mức độ *nhận biết*. Đây là những câu hỏi khai thác thông tin.

• Những câu hỏi yêu cầu phân tích hình ảnh, chi tiết thường ở mức độ *phân tích, suy luận*. GV hướng dẫn HS trên cơ sở nhận biết hình ảnh, chi tiết, biết khai thác ý nghĩa của VB, giúp HS cảm nhận được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua các hình ảnh, chi tiết. Cần lưu ý, ở các bài kí, hình tượng tác giả – người kể chuyện hiện lên rõ nét hơn so với các thể loại khác. Góc độ quan sát, cách nhìn, cách đánh giá, cách tiếp cận, cách đưa thông tin về đời sống thực trong kí luôn phụ thuộc vào phong cách riêng của người viết, có khả năng truyền cảm và tác động mạnh đến người đọc.

• Các câu hỏi ở mức độ *đánh giá, vận dụng* thường yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng. Bài kí được coi là một cách tiếp cận đời sống thực của cá nhân người viết. Do vậy, khi đọc kí, người đọc hoàn toàn có thể đối thoại với ý kiến của tác giả (đồng tình, không đồng tình). Với những câu hỏi loại này, GV khuyến khích HS nói được những cảm nhận riêng, đưa ra những ý kiến riêng dựa trên kinh nghiệm, cá tính của từng em. Có thể có nhiều phương án trả lời, không nên quy về một đáp án cứng nhắc.

#### **d. Dạy học đọc VB nghị luận**

- VB nghị luận và mục tiêu dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 6*:

+ VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* tập trung chủ yếu ở bài 8. *Khác biệt và gần gũi* với 2 VB đọc chính: *Xem người ta kia!* (Lạc Thanh); *Hai loại khác biệt* (Giong-mi Mun) và ở bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* với 1 VB đọc chính: *Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi* (Minh Khoa). VB đầu giúp HS nhận thức được rằng: trên đời này, mọi người có thể giống nhau ở mặt nào đó, nhưng cơ bản, mỗi người đều có sở thích, sở trường, cá tính, năng lực riêng, nhờ vậy, cuộc sống trở nên đa dạng, phong phú. VB *Hai loại khác biệt* không chỉ nhấn



mạnh yêu cầu thể hiện sự khác biệt trong cuộc sống, mà quan trọng hơn, sự khác biệt phải thực sự có ý nghĩa, làm nên giá trị riêng của mỗi người. Ngoài ra, VB thực hành đọc *Tiếng cười không muốn nghe* (Minh Đăng) cũng thuộc loại VB nghị luận và có chủ đề tương tự: sự vô lí của hành động cười cợt, nhạo báng người khác. Còn *Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi* (Minh Khoa) là một VB nghị luận văn học giới thiệu về một nhà thơ, người con của núi rừng Tây Bắc. Bên cạnh các VB nghị luận là VB đọc chính vừa nêu, *Ngữ văn 6* còn có một số bài viết tham khảo để viết bài ở bài 2. *Gõ cửa trái tim*, bài 4. *Quê hương yêu dấu*. Đó có thể coi là những VB nghị luận văn học đơn giản.

Các VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* có nhiều điểm giống nhau về hình thức: ngắn gọn, vấn đề được bàn luận không xa lạ với cuộc sống hằng ngày của HS, quan điểm của người viết thể hiện rõ ràng, nhất quán, lí lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, lập luận có sức thuyết phục. Các VB còn gắn gũi nhau ở chỗ: đều có yếu tố kể chuyện, tuy nhiên kể chuyện chỉ là một cách nêu vấn đề, gợi suy nghĩ hoặc trình bày dẫn chứng lấy từ thực tế đời sống. Nghĩa là đặc trưng nghị luận vẫn không bị lu mờ bởi tính chất kể.

+ Mục tiêu của việc dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* chủ yếu là giúp HS nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận; tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề được đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

– Chuẩn bị:

+ Những kiến thức GV cần nắm:

• *Khái niệm VB nghị luận*: VB nghị luận là loại VB có nội dung bàn bạc, đánh giá về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống và trong khoa học, giáo dục, nghệ thuật,... Người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm, ý kiến của mình.

• *Lí lẽ trong VB nghị luận*: Lí lẽ là những lời giải thích, phân tích, biện luận thể hiện suy nghĩ của người viết/ nói về vấn đề. Những lời ấy phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhằm bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Khi đưa ra lí lẽ, người viết/ nói thường giải đáp các câu hỏi mà vấn đề gợi ra. Lí lẽ phải có tính khách quan, phổ biến, thuyết phục người đọc/ nghe bằng lẽ phải, chân lí, không thể chủ quan, áp đặt.

• *Bằng chứng trong VB nghị luận*: Bên cạnh lí lẽ, VB nghị luận còn phải có các bằng chứng. Bằng chứng là những sự thật (nhân vật, sự kiện) hay tư liệu đảm bảo tính xác thực, có giá trị. Bằng chứng phải phù hợp với từng loại văn nghị luận. Nếu là nghị luận xã hội, phải dùng bằng chứng lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học. Nếu là nghị luận văn học thì bằng chứng chủ yếu lấy từ văn học. Bằng chứng kết hợp với lí lẽ làm cho lập luận có sức thuyết phục.

+ Phương tiện dạy học: GV chủ yếu sử dụng máy chiếu để trình chiếu các nội dung cần thiết khi dạy phần *Đọc* và phần *Viết*.

– Triển khai các hoạt động dạy học đọc VB nghị luận: Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 6*, cần lưu ý mấy điểm sau:



+ Hoạt động đọc VB: Dựa vào đặc điểm các VB nghị luận trong bài, GV hướng dẫn HS đọc trên lớp. GV cũng cần đọc mẫu (có thể chọn một số đoạn) và nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...). Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được đặt trong các ô bên phải. Chẳng hạn, ở VB *Xem người ta kia!*, chiến lược *theo dõi* và *suy luận* được nhấn mạnh, giúp HS nắm nội dung cũng như các thao tác nghị luận được sử dụng ở từng đoạn.

+ Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Đây là công việc trọng tâm của phần *Đọc*. Trong dạy học đọc, GV và HS tương tác với nhau ở từng bước lên lớp mà GV đã thiết kế. GV cần lên “kịch bản” chi tiết, định hướng, dẫn dắt HS khám phá giá trị nội dung tư tưởng, đặc điểm hình thức thể loại của VB. Trong quá trình chuẩn bị giáo án, GV cần quan tâm đến những câu hỏi sau đọc ở các VB, bởi đó là chỗ gắn kết rõ nhất các hoạt động của GV và HS trong tiết học. Còn HS, khi đến lớp, dựa vào những chuẩn bị ở nhà, sẵn sàng tham gia trao đổi, thảo luận về những vấn đề được GV nêu lên.

#### **e. Dạy học đọc VB thông tin**

– VB thông tin và mục tiêu dạy học đọc VB thông tin trong SGK *Ngữ văn 6*:

+ Trong *Ngữ văn 6* có 2 VB thông tin được chọn làm VB đọc chính: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*; ngoài ra, có *Ai ơi mông 9 tháng 4* là VB 3 kết nối về chủ đề ở bài 6 và 1 VB thực hành đọc cuối bài 9: *Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?*

Các VB này được đưa vào hai bài học khác nhau: VB *Ai ơi mông 9 tháng 4* ở bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng*; 3 VB còn lại ở bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Đây là sự cài đặt hợp lí, một mặt bảo đảm yêu cầu kết nối các nội dung, chủ đề, mặt khác giúp các bài học không rơi vào tình trạng khô khan, nặng nề do tập trung tất cả các VB thông tin vào một bài.

+ Các VB thông tin được chọn đọc trong *Ngữ văn 6* đều có dung lượng vừa phải, tương đối dễ tiếp nhận (do cách diễn đạt giản dị, sáng rõ và nội dung sát hợp với chủ đề bài học, không chứa đựng những kiến thức quá cao xa, kể cả những kiến thức khoa học). Tất cả đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thông tin, từ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ví dụ, VB *Ai ơi mông 9 tháng 4* giúp HS nhận biết được đặc điểm của VB thông tin thuật lại một sự kiện, với cách triển khai VB theo trật tự thời gian; VB *Trái Đất – cái nôi của sự sống* giúp HS nhận biết và hiểu được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự trong VB; VB *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* giúp HS hiểu được ý nghĩa của các số liệu với tư cách là một phương tiện biểu đạt phi ngôn ngữ.

– Chuẩn bị:

+ Những kiến thức GV cần nắm:

• *Khái niệm VB thông tin*: VB thông tin là loại VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó (sự vật, sự việc,...) phục vụ cho việc thông báo, giao dịch,... trong hoạt động giao tiếp. VB thông tin có thể được chia thành nhiều loại nhỏ theo các tiêu chí: tính chất của thông tin, cách triển khai thông tin, cấu trúc VB,... (*Ngữ văn 6* chỉ yêu cầu HS nắm bắt được đặc điểm của VB thông tin thuật lại một sự kiện – một loại VB thông tin được nhận diện theo tiêu chí nội dung, tính chất của thông tin).



- *Các thành phần của VB thông tin:* VB thông tin trên báo chí thường có các phần: nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, các đoạn văn, các hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... (ở đây chỉ nói tới những thành phần mà chương trình yêu cầu HS nhận biết khi học *Ngữ văn 6*).

- *Cách triển khai VB thông tin:* Cách triển khai VB thông tin thực chất là cách sắp xếp các phần của VB theo một trật tự phù hợp với nội dung thông tin và mục đích của việc truyền tải thông tin. Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018, ở *Ngữ văn 6*, GV chỉ cần giúp HS nhận biết được hai cách triển khai: theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả. Cách triển khai theo trật tự thời gian thường được áp dụng với các VB thông tin thuật lại một sự kiện. Cách triển khai theo quan hệ nhân quả có thể được dùng ở nhiều loại VB thông tin, có đặc điểm: nguyên nhân được nêu trước, sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.

- *VB đa phương thức:* Đây là loại VB có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... Thực chất, VB đa phương thức chủ yếu gắn với VB thông tin, được xác định là một hình thức cấu tạo đặc thù của VB thông tin trong thời đại truyền thông đa phương tiện.

- + Phương tiện dạy học: Để dạy học đọc VB thông tin, bên cạnh giáo án (thiết kế bài dạy – học) thông thường, GV cần chuẩn bị thêm giáo án điện tử, kèm theo bộ hồ sơ gồm các tranh ảnh minh hoạ, các tờ báo, tạp chí có bài viết phù hợp, có thể được dùng như tài liệu trực quan giúp HS hiểu rõ các thành phần của VB thông tin, đặc điểm của VB đa phương thức,...

- Triển khai dạy học đọc VB thông tin: Ngoài những hoạt động dạy học đọc áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB thông tin trong *Ngữ văn 6*, cần lưu ý mấy điểm sau:

- + GV cần dựa vào hệ thống chiến lược đọc được cài đặt bên cạnh phần VB đọc và các câu hỏi ở phần *Sau khi đọc* để hướng dẫn HS tìm hiểu VB. Khi đi vào một VB thông tin cụ thể, cần làm rõ: *VB nói về vấn đề gì? Thông tin trong VB được triển khai theo trình tự hay quan hệ nào? Các phương tiện phi ngôn ngữ đã được sử dụng ra sao? VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề đời sống được đề cập?*

- + Đối với việc đọc VB thông tin, vấn đề phát triển tư duy lô-gíc cho HS cần được ưu tiên. Việc đòi hỏi HS nắm được cách đưa thông tin quan trọng hơn việc yêu cầu các em nhớ từng thông tin cụ thể.

#### **f. Dạy học đọc mở rộng**

- Đọc mở rộng và mục tiêu của hoạt động đọc mở rộng trong *Ngữ văn 6*:

- + SGK *Ngữ văn 6* dành 4 tiết cho việc tổ chức hoạt động đọc mở rộng tại lớp. Các tiết Đọc mở rộng tại lớp này đã được tính trong thời lượng 140 tiết toàn năm học lớp 6 cho môn *Ngữ văn*.

- + Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018, đọc mở rộng là hoạt động HS được tự tìm VB để đọc. Hoạt động này giúp HS hình thành, phát triển thói quen, hứng thú và kĩ năng tự tìm sách và đọc sách. Mục tiêu của tiết học Đọc mở rộng ở lớp là tạo cơ hội cho HS chia sẻ kết quả tự đọc sách của mình với các bạn và với GV; đồng thời cũng tạo điều kiện cho GV nắm bắt được xu hướng, kĩ năng đọc sách của HS để kịp thời có những chỉ dẫn, định hướng phù hợp với yêu cầu giáo dục.



– Chuẩn bị:

+ Để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng tại lớp, ví dụ tiết đầu tiên trong 2 tiết ở học kì I, được bố trí sau khi học xong bài *Tôi và các bạn*, *Gỗ của trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tự tìm đọc (ngoài giờ lên lớp) các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện hoặc thơ) và chủ đề với các VB đã học trong những bài này.

+ HS có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. GV cần khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học, hướng dẫn các em cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách. Để chuẩn bị tốt cho tiết học Đọc mở rộng, GV cũng cần hướng dẫn HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.

+ GV cần chuẩn bị một số VB đáp ứng yêu cầu về thể loại, loại VB và chủ đề để có thể giới thiệu thêm cho HS tìm đọc. Như đã nêu, qua hoạt động đọc mở rộng, *Ngữ văn 6* mong muốn giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kĩ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Nhưng nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Ngữ văn 6* yêu cầu, GV có thể linh hoạt điều chỉnh chủ đề sách phải tìm để hoạt động đọc mở rộng vẫn được thực hiện một cách hiệu quả.

– Triển khai dạy học đọc mở rộng trong *Ngữ văn 6*:

+ GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung và nghệ thuật của VB đã đọc. Chẳng hạn với VB thuộc thể loại truyện, HS có thể đặt các câu hỏi để trao đổi trong nhóm về người kể chuyện (*Người kể chuyện trong truyện là ai?*), cốt truyện (*Nêu các sự việc chính trong câu chuyện*), nhân vật (*Truyện có mấy nhân vật?*), lời người kể chuyện và lời nhân vật (*Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật*),...

+ Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

+ GV nhận xét, đánh giá chung và biểu dương những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

### **g. Dạy học dự án đọc sách**

– Dự án đọc sách và mục tiêu của dạy học dự án đọc sách trong *Ngữ văn 6*:

SGK *Ngữ văn 6* dành 8 tiết (2 tuần) cho hoạt động đọc sách trong bài 10. *Cuốn sách tôi yêu*, sau khi các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt đã cơ bản hoàn thành với 9 bài học trước đó. Để tổ chức hoạt động dạy học dự án trong môn *Ngữ văn*, cụ thể là hoạt động đọc sách thực sự đạt hiệu quả, GV cần lưu ý những vấn đề sau:

+ Xác định rõ yêu cầu cần đạt của dự án đọc sách (trong mối quan hệ với yêu cầu cần đạt của hệ thống bài học trước đó): phát triển kĩ năng tự đọc sách của HS, nâng cao khả năng tự học và dần trở thành một người đọc độc lập, biết làm việc với sách và vận dụng, sáng tạo trên cơ sở những gì đã đọc.

+ Định hướng chủ đề, thể loại VB mà HS cần lựa chọn, trên cơ sở các chủ đề bài học và thể loại VB của SGK *Ngữ văn 6*.

– Lập kế hoạch tổ chức dự án đọc sách: Dựa vào kế hoạch dạy học môn *Ngữ văn* và kế hoạch năm học của nhà trường, GV có thể linh hoạt tổ chức các hoạt động của dự án đọc sách trong bài 10 vào thời gian thích hợp, có thể là sau khi ôn tập và kiểm tra cuối năm để HS có thể tham gia các hoạt động trong dự án học tập với tâm thế thoải mái và hứng thú

hơn. Để tổ chức hình thức dạy học dự án đối với bài học này đạt hiệu quả, thu hút và gợi hứng thú với HS, sau khi nghiên cứu kĩ yêu cầu cần đạt, GV cần:

+ Xác định rõ các hoạt động chính, tiến độ thực hiện hoạt động, sản phẩm dự kiến và các hình thức trình bày sản phẩm (báo cáo kết quả dự án) đã được định hướng trong bài học. GV cần lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án *Cuốn sách tôi yêu* một cách cụ thể và phù hợp với đối tượng HS của lớp mình.

+ Phối hợp với GV dạy các môn học và hoạt động giáo dục khác như Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm,... để có thể tổ chức hoạt động một cách sáng tạo, hấp dẫn.

+ Nghiên cứu kĩ kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học của nhà trường, từ đó xây dựng phương án sử dụng quỹ thời gian, điều chỉnh thời lượng phân bố cho bài học một cách linh hoạt khi tổ chức hoạt động chuẩn bị (tập luyện) và báo cáo kết quả (trình bày, giới thiệu sản phẩm sau khi đọc). Thời lượng phân bố cho bài học này trong môn Ngữ văn là 8 tiết nhưng khi tích hợp hoạt động của các môn học khác, quỹ thời gian dành cho các hoạt động cụ thể có thể tăng lên. Phạm vi của dự án cũng không chỉ giới hạn trong một lớp mà có thể mở rộng ra cả khối lớp hoặc toàn trường, khi có sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch năm học của nhà trường.

+ Khi lập kế hoạch dạy học dự án đọc sách, cần xác định rõ các hoạt động, nội dung, sản phẩm của hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể để HS có thể thực sự tham gia vào các hoạt động, tạo ra được sản phẩm cụ thể sau quá trình đọc, viết, trình bày, giới thiệu được sản phẩm khi nói và nghe (báo cáo dự án). Tham khảo mẫu kế hoạch sau đây:

**Tên dự án: *Cuốn sách tôi yêu***  
**Chủ đề: *Gỗ của trái tim, Khác biệt và gần gũi***

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
	Tiết	Hoạt động		Nội dung	Ở lớp
1	Khởi động	<i>Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn</i>	Danh mục sách được chọn; pô-xtơ chung của dự án; góc đọc sách của nhóm, lớp		
2, 3, 4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: <i>Mỗi ngày một cuốn sách</i>	Nhật kí đọc sách của nhóm (pô-xtơ, phiếu đọc sách)		
5, 6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: <i>Sáng tạo cùng tác giả</i>	Sản phẩm nghệ thuật minh hoạ sách (kết hợp viết và vẽ minh hoạ); bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc		
7, 8	Báo cáo kết quả: Nói và nghe	Về đích: <i>Ngày hội với sách</i>	Bài trình bày trực tiếp hoặc bằng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày, giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách hoặc ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc		



– Chuẩn bị phương tiện thực hiện: Để đáp ứng yêu cầu cần đạt của dự án, GV cần huy động các phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường, của cộng đồng phụ huynh HS một cách hiệu quả:

+ Thư viện nhà trường và/ hoặc các góc đọc sách của lớp: có quy mô phù hợp và có một số cuốn sách theo các chủ đề học tập đã được định hướng.

+ Các phương tiện dạy học khác: có đủ màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa: tranh ảnh, phim ngắn (nếu có),...

– Quy trình tổ chức thực hiện dự án đọc sách:

Bước 1: Nghiên cứu yêu cầu cần đạt

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ theo kế hoạch

Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án

+ Hoạt động khởi động dự án đọc sách: thu hút HS tham gia dự án bằng các trò chơi, cuộc thi vui phù hợp với điều kiện của trường, lớp.

+ Hoạt động sáng tạo sản phẩm: Đọc, viết, có thể kết hợp vẽ minh họa. Nếu có điều kiện thì có thể xây dựng các đoạn phim ngắn, kịch bản để biểu diễn hoạt cảnh (tùy điều kiện của địa phương, nhà trường và năng lực của HS).

+ Hoạt động báo cáo kết quả dự án: trình bày, giới thiệu sản phẩm, biểu diễn hoạt cảnh (nếu chuẩn bị được).

Các hoạt động cụ thể thuộc quy trình tổ chức dự án đọc sách theo hình thức tích hợp nội môn và liên môn (môn Ngữ văn và các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật) đã được hướng dẫn chi tiết trong SHS, SGV. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của nhà trường và năng lực của HS, GV có thể phát triển, mở rộng và sáng tạo thêm trên cơ sở hướng dẫn của SGV và SHS.

### **2.2.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt**

Thực hành tiếng Việt là một phần hoạt động đọc, thường đặt sau VB 1 và VB 2, tiếp nối mục *Trả lời câu hỏi* và *Viết kết nối với đọc*. Mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học hoặc đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một VB, nhờ thế HS có thể hiểu VB đã đọc một cách sâu sắc hơn, từ đó vận dụng để đọc những VB khác. Ngoài ngữ liệu đã được dẫn trong hệ thống bài tập *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể khai thác thêm các ngữ liệu khác được lấy từ bài đọc để HS có thêm cơ hội tìm hiểu và học hỏi cách sử dụng ngôn ngữ trong VB. GV cần lưu ý bảo đảm phương châm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh để HS nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt, không dạy học tiếng Việt chỉ nhằm đến mục tiêu giúp HS nắm được kiến thức về tiếng Việt. Tuy kiến thức tiếng Việt mới gắn với từng bài được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn*, nhưng chỉ yêu cầu HS đọc trước toàn bộ ở nhà. Còn ở lớp thì trong hoạt động *Khám phá tri thức ngữ văn*, GV chưa cung cấp kiến thức tiếng Việt mà chỉ cung cấp các kiến thức về thể loại, loại VB để HS có kỹ năng đọc VB theo thể loại, loại VB. Kiến thức được dạy học theo nguyên tắc *cần ở đâu dạy ở đó*; không dạy tất cả kiến thức một lần cho toàn bài học lớn. Nói cách khác, các kiến thức được chọn lựa

để cung cấp cho HS ở từng thời điểm trong quá trình dạy học. Chẳng hạn, ở bài 1. *Tôi và các bạn*, HS cần được cung cấp kiến thức về truyện, truyện đồng thoại, nhân vật, ngôi kể,... trước khi đọc *Bài học đường đời đầu tiên*. Nhưng kiến thức về từ đơn và từ phức thì các em sẽ được học ngay trước khi thực hành về từ đơn, từ phức.

GV cần lưu ý, một số kiến thức tiếng Việt HS đã được học từ Tiểu học như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, đại từ,... Trong SHS *Ngữ văn 6*, các em chỉ cần ôn lại để thực hành trên ngữ liệu là VB mà các em vừa đọc. Khi kiến thức này xuất hiện lần đầu tiên ở bài nào trong *Ngữ văn 6*, GV cần giúp các em ôn tập, củng cố kiến thức trước khi thực hành.

#### **a. Kiến thức tiếng Việt và mục tiêu dạy học tiếng Việt trong Ngữ văn 6**

– Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK *Ngữ văn 6* được thực hiện theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Các kiến thức này thuộc các cấp độ và bình diện ngôn ngữ khác nhau:

+ Từ vựng: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

+ Ngữ pháp: các thành phần chính của câu (mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ); trạng ngữ (đặc điểm, chức năng liên kết câu); công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp); dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt).

+ Hoạt động giao tiếp: biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ; đoạn văn và VB: đặc điểm và chức năng; lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu với việc thể hiện nghĩa của VB; một số kiểu, loại VB.

+ Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: hiện tượng vay mượn từ, từ mượn, sử dụng từ mượn; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

– Mục tiêu của việc dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 6* là trang bị cho HS công cụ để đọc hiểu, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo lô-gíc của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Vì vậy, các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng, theo cách mà *Ngữ văn 6* thuộc Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 đã thực hiện. Điều đó hẳn sẽ làm cho nhiều thầy cô bối rối. Nhưng điều này hoàn toàn đi theo chủ trương tích hợp kiến thức tiếng Việt và những kiến thức ngữ văn khác vào một bài học lấy VB làm trung tâm.

Do yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học theo yêu cầu của chương trình, SGK *Ngữ văn 6* còn thiết kế nhiều bài tập đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học trước đó, kể cả kiến thức đã học ở Tiểu học để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ của VB.

Trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung như vậy, mỗi tiết Thực hành tiếng Việt đều bắt đầu bằng việc phân tích yêu cầu cần đạt cụ thể. Chẳng hạn, ở bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*, có 2 tiết Thực hành tiếng Việt. Tiết 1 yêu cầu HS hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, nhận biết được cụm danh từ và biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ. Tiết 2 yêu cầu HS nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.



## b. Chuẩn bị

– Những kiến thức cần nắm: GV đọc kĩ phần kiến thức tiếng Việt trong *Tri thức ngữ văn cho GV* trong SGK.

– Phương tiện dạy học: Ngoài SGK và tài liệu thiết kế kế hoạch dạy học theo hình thức thông thường, GV nên chuẩn bị thêm bài giảng điện tử để trình chiếu các nội dung cần thiết.

## c. Triển khai dạy học thực hành tiếng Việt

– Hình thành kiến thức mới: Đây là hoạt động mở đầu phần *Thực hành tiếng Việt*. Với bài không có kiến thức mới mà chỉ dùng kiến thức đã học, chủ yếu là đã học ở Tiểu học, để thực hành thì hoạt động mở đầu sẽ là củng cố kiến thức đã học; GV giúp HS ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Tuy nhiên, dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết.

Trước khi bắt đầu hoạt động hình thành kiến thức mới, với một số kiến thức phù hợp, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi. Ví dụ: để HS nhận diện từ đơn và từ phức trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*, GV có thể cho các em chơi trò chơi ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái để miêu tả Dế Mèn.

vuốt	nhọn hoắt
cánh	hủn hoản
người	rung rinh
răng	đen nhánh
	bóng mỡ
	ngoàm ngoạp

GV có thể hình thành kiến thức mới cho HS bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HS tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

– Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ: Sau khi HS đã nắm được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cần cho HS thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các khung đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt* trong SHS, GV có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HS thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HS nắm vững kiến thức để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng. Nếu ngữ liệu để hình thành kiến thức và thực hành nhận biết được lấy từ những nguồn bất kì thì ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập

luyện tập, vận dụng trong SHS chủ yếu được lấy từ VB đọc có trong bài học. Phải đi theo quy trình như vậy thì hoạt động thực hành tiếng Việt mới đáp ứng mục tiêu phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HS đào sâu hơn hiểu biết về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB.

– Luyện tập, vận dụng: Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân, theo cặp, nhóm để hoàn thành các bài tập. GV căn cứ vào thời gian của tiết học để hướng dẫn HS làm bài, không nhất thiết phải làm tất cả và tuần tự các bài tập tiếng Việt như trong SHS. Ví dụ: với bài tập viết đoạn văn có sử dụng đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ cần vận dụng thực hành, GV có thể yêu cầu HS viết trên lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HS luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học. Mỗi bài học, từ bài 1 đến bài 9, dự kiến có 2 tiết cho *Thực hành tiếng Việt*. Tuy vậy, tùy vào khả năng hoàn thành của HS và số bài tập bổ sung mà GV có thể dành thời gian nhiều hơn hoặc ít hơn so với dự kiến.

### **2.2.3. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết**

GV cần hướng dẫn HS hiểu rõ các yêu cầu cụ thể đối với mỗi kiểu bài viết cũng như quy trình viết để chủ động thực hành và phát triển năng lực viết. Trong khi hướng dẫn HS viết bài, GV cần có những hoạt động phù hợp, huy động được hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm và khơi gợi được hứng thú, cảm xúc của HS để các em có được những bài viết vừa đáp ứng được yêu cầu về kiểu VB viết vừa có tính sáng tạo. Việc hướng dẫn HS tự kiểm soát, chỉnh sửa, nâng cấp bài viết rất quan trọng. Nên khuyến khích HS trao đổi và chia sẻ thông tin, ý tưởng trong quá trình chuẩn bị nội dung viết và chỉnh sửa bài viết. Ngoài bài viết tham khảo trong SHS, GV có thể sử dụng thêm các ngữ liệu khác minh họa cho các kiểu bài viết và quy trình viết.

#### **a. Các kiểu bài viết trong SGK**

Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 6* cần hướng dẫn HS luyện tập viết các kiểu bài sau:

- VB tự sự: kể lại một trải nghiệm của bản thân (bài 1, bài 3); kể lại một truyện cổ tích (bài 7);
- VB biểu cảm: nêu cảm nghĩ về một bài thơ (bài 2, bài 4) và tập làm thơ lục bát (bài 4);
- VB miêu tả: tả cảnh sinh hoạt (bài 5);
- VB nghị luận: trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (bài 8, bài 10);
- VB thông tin: thuật lại một sự kiện (bài 6); viết biên bản; tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một VB đơn giản (bài 9).

Để việc dạy học viết đạt hiệu quả, GV cần chú ý đặc điểm của từng kiểu bài, yêu cầu cần đạt và quy trình dạy học viết đối với từng kiểu bài trong SGK *Ngữ văn 6*.

#### **b. Những lưu ý khi dạy học viết**

- Kiểu bài kể lại một trải nghiệm: Kiểu bài này được phân bố ở bài 1. *Tôi và các bạn* và bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*. Trong các bài học này, ở phần *Đọc*, HS đã được học VB truyện (tự sự), có người kể chuyện ngôi thứ nhất và câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật “tôi”



như một trải nghiệm của bản thân về kỉ niệm gắn với lứa tuổi (lỗi lầm, sự ân hận, tình bạn,...) – *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài). Với bài 2. *Gõ cửa trái tim*, dù trọng tâm thể loại là thơ, HS cũng được đọc VB *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) – câu chuyện được kể như một trải nghiệm của nhân vật “tôi” về tình cảm gia đình, tình cảm anh em. Qua những VB truyện nói chung và các trích đoạn truyện, truyện ngắn có nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất, GV có thể định hướng cho HS vận dụng tri thức, kĩ năng từ hoạt động đọc để bước đầu hình thành kĩ năng viết một câu chuyện đơn giản (kể về trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi) từ vốn sống, vốn hiểu biết của các em trong các mối quan hệ đời sống: với những người thân trong gia đình, bạn bè, thầy cô. Những lưu ý về ngôi kể, cách vận dụng ngôn ngữ khi kể đã được SGK hướng dẫn cụ thể trong phần *Viết* của bài 1 và bài 3. Tuy nhiên, với kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân, GV cần chú ý hướng dẫn HS huy động vốn sống từ chính những gì các em đã trải qua với cha mẹ, anh chị em, ông bà trong gia đình hoặc bạn bè, thầy cô ở trường; những người mới quen, mới gặp hay tình cờ tiếp xúc nhưng đã để lại ấn tượng đáng nhớ; những chuyến tham quan với gia đình hay nhà trường, các sự kiện của cộng đồng mà HS có dịp tham gia, chứng kiến,... Tất cả những điều đó nếu được tái hiện một cách chi tiết, sinh động và đặc biệt là có một ý tưởng tương đối rõ (nhận diện giá trị, bài học cuộc sống qua các chi tiết, sự việc đáng nhớ) đều có thể trở thành những trải nghiệm có ý nghĩa. Câu chuyện thú vị luôn tiềm ẩn trong mọi chi tiết, sự việc tưởng như bình thường nhất. Điều quan trọng là làm sao để HS có cách nhìn, cách cảm, hiểu và suy nghĩ, liên tưởng tích cực từ đó. HS có thể học được điều này qua chính những bài viết tham khảo (không phải bài văn mẫu để sao chép) được dẫn ra trong bài 1 và bài 3. Từ câu chuyện *Người bạn nhỏ*, GV có thể dẫn dắt để HS nhận ra rằng: ngay cả những điều bình thường nhất cũng có thể gợi cảm hứng để ta viết nên một câu chuyện cảm động, nếu người viết tái hiện được sự việc một cách chân thực, cụ thể và bộc lộ được thái độ, cảm xúc, tìm ra được ý nghĩa, bài học ẩn chứa trong đó.

– Kiểu bài ghi lại cảm xúc về một bài thơ: Đây chính là dạng đơn giản của kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học. Kiểu bài này được phân bố ở bài 2. *Gõ cửa trái tim* và bài 4. *Quê hương yêu dấu*. Trong hai bài học này, VB đọc chính được viết bằng các thể thơ năm chữ, tự do và lục bát. Do đó, GV cần tận dụng những tri thức, kĩ năng HS đã đạt được qua hoạt động đọc để có thể thực hiện các yêu cầu của bài viết. Các VB thơ *Chuyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Mây và sóng* (Ta-go) trong bài 2 đều có sự xuất hiện của các yếu tố tự sự và miêu tả. Để giúp HS vượt qua khó khăn khi thực hành viết kiểu bài *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả* (bài 2), cần nhắc các em nhớ lại những điều đã nắm được về cách thể hiện cảm xúc trữ tình mang tính đặc thù của các tác phẩm kể trên. Bài viết cần được triển khai dựa vào việc giải đáp các câu hỏi: *Tác giả đã kể hay tả những gì trong bài thơ? Những điều được kể, tả đó mang vẻ đẹp độc đáo như thế nào? Câu chuyện hay bức tranh gửi gắm ân tình của nhà thơ đã tác động vào cảm xúc, liên tưởng, suy nghĩ của em ra sao?...*

Với yêu cầu: *Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát* (bài 4), những hiểu biết về thể loại, đặc điểm nghệ thuật và nội dung của các VB trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*, của bài thơ *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ) là cơ sở để HS có thể thực hiện các yêu cầu của bài viết. GV có thể định hướng cho HS viết bài bằng cách nêu lên một số câu hỏi như: *Em được tiếp xúc với những bài thơ lục bát từ khi nào? Theo em,*



*những nội dung gì thường được thơ lục bát chuyển tải thành công nhất? Bài thơ lục bát khiến em muốn ghi lại cảm xúc sau khi đọc có điều gì đặc biệt gây ấn tượng? Hình thức lục bát của bài thơ đã tác động đến em như thế nào?...*

– Kiểu bài tập làm thơ lục bát: Từ hoạt động đọc hiểu, HS nhận biết được những đặc điểm hình thức nghệ thuật, nội dung của ca dao và những bài thơ lục bát khác. Cùng với việc nhận diện luật thơ, vai trò của ngữ cảm, trực quan về âm thanh ngôn ngữ khi sáng tác là rất quan trọng. Do đó, GV nên hướng dẫn HS đọc đi đọc lại, đọc to theo nhiều cách khác nhau để thực sự cảm nhận được mô hình âm thanh, nhạc điệu (vần, nhịp, thanh điệu,...) của bài thơ lục bát. Điều này giúp HS sau khi đã lựa chọn được đề tài, ý tưởng, có thể chủ động hơn trong việc vận dụng, lựa chọn tiếng, từ ngữ để cấu tạo dòng thơ lục bát: phối hợp được dòng 6 tiếng và dòng 8 tiếng về vần, nhịp và thanh điệu. GV cần cho HS làm đi làm lại các bước:

+ Điền các tiếng thích hợp để tập gieo vần cho các dòng thơ (đã bỏ bớt đi một số tiếng ở vị trí cần chú ý về vần).

+ Viết thử một dòng thơ tiếp nối vào các dòng thơ sẵn có để tập gieo vần, ngắt nhịp và cấu tạo dòng thơ đúng luật.

+ Biến đổi một số dòng thơ, bài thơ 4 tiếng hoặc 6 tiếng sẵn có thành dòng thơ, bài thơ lục bát (thêm tiếng, từ ngữ thích hợp đảm bảo quy luật gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của thơ lục bát).

+ Vì HS mới tập làm thơ lục bát nên GV chỉ cần yêu cầu các em viết được từ 2 – 4 dòng thơ để có thể cấu tạo cặp lục bát hoặc bài thơ lục bát ngắn. Hoạt động tập làm thơ lục bát không đòi hỏi HS phải sáng tác được những bài thơ hay, mà chủ yếu là thực hành để HS hiểu hơn đặc điểm của thơ lục bát và có thể giúp HS thể hiện được sở trường, năng khiếu, hứng thú (nếu có).

– Kiểu bài tả cảnh sinh hoạt: Đây là kiểu bài viết được phân bố thực hiện trong bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. HS có thể chuyển hoá những tri thức và kĩ năng từ các bài đọc của cả bài 4. *Quê hương yêu dấu*, bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, đặc biệt là các VB kí: *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Ên* (Hà My) và bài viết tham khảo *Chợ phiên vùng cao* vào việc thực hiện hoạt động viết một cách hiệu quả. Kĩ năng viết văn miêu tả đã được hình thành và phát triển từ Tiểu học. Do đó, với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt ở lớp 6, GV chỉ cần lưu ý HS lựa chọn cảnh sinh hoạt mà các em thực sự yêu thích hoặc hiểu rõ qua những lần trực tiếp tham gia, tìm hiểu, quan sát: một lễ hội ở trường hoặc làng quê, thành phố, một ngày xuân bên gia đình, chợ hoa ngày Tết, ngày thu hoạch mùa màng, một buổi tham quan, dã ngoại hay thiện nguyện,... Tất cả đều có thể trở thành đối tượng miêu tả hấp dẫn nếu HS cảm nhận được niềm vui, ý nghĩa, vẻ đẹp của cuộc sống và con người trong đó. Việc hướng dẫn HS huy động vốn sống, trải nghiệm, chủ động tìm ý, phát triển ý và huy động vốn ngôn ngữ để biểu đạt những nội dung định trình bày chi phối quá trình phát triển năng lực viết văn miêu tả nói riêng và viết sáng tạo nói chung của các em. Khi hướng dẫn HS viết bài văn tả cảnh sinh hoạt, GV cần chú ý khai thác mô hình:

*Tôi biết:* phạm vi hiểu biết của HS;

*Tôi quan tâm:* mức độ quan tâm của HS;

*Tôi yêu mến:* mức độ tình cảm của HS;



*Tôi tìm hiểu:* khả năng quan sát, tìm hiểu của HS;

*Tôi lựa chọn:* cách lựa chọn và quyết định của HS;

*Tôi viết:* khả năng diễn đạt của HS.

– Kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện: Việc huy động tri thức và chuyển hoá những kĩ năng từ hoạt động đọc các truyền thuyết lịch sử có mối liên hệ với các sinh hoạt văn hoá cộng đồng trong bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* như *Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; Bánh chưng, bánh giầy*; đặc biệt là *Ai ơi mùng 9 tháng 4* (bài viết thuật lại sự kiện lễ hội Gióng) sẽ giúp HS vượt qua khó khăn trong việc lựa chọn đề tài (sự kiện) và tìm ý, phát triển ý, vận dụng ngôn ngữ để viết bài. Với bài văn thuật lại một sự kiện, việc hướng dẫn HS chủ động hình thành và phát triển được mô hình thông tin theo cấu trúc 5 W & 1 H cũng là một chiến thuật hiệu quả trong dạy học viết: *What? (Sự kiện gì?); Where? (Ở đâu?); When? (Khi nào?); Who? (Ai?); Why? (Tại sao?); How? (Như thế nào?)*.

– Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích: Mối liên hệ chặt chẽ giữa dạy học đọc và dạy học viết được thể hiện tường minh trong kiểu bài này. Những truyện cổ tích đã đọc trong bài 7. *Thế giới cổ tích* là nguồn ngữ liệu để GV hướng dẫn HS khai thác, phát triển chi tiết, thay đổi ngôi kể. Các mức độ của năng lực viết bài văn kể chuyện có thể bao gồm:

(1) Viết được đoạn văn ngắn để kể về một người, sự việc (chưa có cốt truyện nhưng các chi tiết có sự liên kết mạch lạc).

(2) Viết được bài văn ngắn kết hợp tái hiện và tưởng tượng để kể về một sự việc, sự kiện, nhân vật.

(3) Viết được bài văn kể sáng tạo, mở rộng, nối tiếp các sự kiện dựa trên câu chuyện có sẵn (kết hợp hiểu biết và tưởng tượng), có những chi tiết mới và sáng tạo.

(4) Tự sáng tạo được cốt truyện và trình bày một câu chuyện với nhiều tình tiết phong phú, ngôn ngữ sinh động (trải nghiệm, tưởng tượng, hư cấu).

Với kiểu bài kể lại một truyện cổ tích (mức độ 3), GV cần chú ý mối quan hệ giữa mức độ viết mô phỏng và viết sáng tạo:

#### *Kể chuyện mô phỏng*

• Ghi nhớ và kể lại được câu chuyện đã nghe hoặc đọc: kể các chi tiết chính, chưa có điểm nhấn và chưa thể hiện được thái độ, tình cảm, chưa nêu được ý nghĩa, bài học.

• Ghi nhớ và kể lại được câu chuyện đã nghe hoặc đọc một cách rõ ràng, không quá lệ thuộc vào VB sẵn có về cách kể, ngôn ngữ, cách thể hiện bài học.

• Đạt mức độ 2 nhưng bắt đầu có sáng tạo hoặc thay đổi một số chi tiết để nhấn mạnh hoặc bước đầu mở rộng, tưởng tượng trên cơ sở cốt truyện sẵn có.

#### *Kể chuyện sáng tạo*

• Mô phỏng, tái hiện có biến đổi: Dựa trên câu chuyện/ mẫu sẵn có, thay đổi cách kể và thêm một số chi tiết để câu chuyện sinh động hơn, trong khi vẫn giữ nguyên chủ đề, ý nghĩa.

• Nối tiếp, mở rộng, biến đổi: Sáng tạo một câu chuyện nối tiếp câu chuyện đã được kể (nối dài sự kiện và thêm các chi tiết trên cơ sở tình huống, nhân vật đã có). Câu chuyện đã có là gợi ý cho cách kể và trình bày diễn biến tiếp theo.

• Minh họa, tái hiện và kiến tạo: Từ một bối cảnh, tình huống, nhân vật được gợi ý, huy động kí ức và kinh nghiệm, trải nghiệm để tái hiện một sự việc hoặc cao hơn là tạo ra một cốt truyện mang tính minh họa, có thể thêm chi tiết và chủ động lựa chọn cách kể.

• Đột phá và sáng tạo: Từ những kí ức, kinh nghiệm và tri thức của bản thân, tìm hiểu, khám phá, tưởng tượng, biến đổi để tạo ra một ý tưởng mới, cốt truyện mới, nhân vật mới và tự thiết lập chủ đề, ý nghĩa.

– Kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống: Kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống được phân bố trong SGK Ngữ văn 6 ở bài 8. *Khác biệt và gần gũi* với các VB nghị luận *Xem người ta kia!* (Lạc Thanh), *Hai loại khác biệt* (Giông-mi Mun), *Tiếng cười không muốn nghe* (Minh Đăng). Từ những VB này và bài viết tham khảo trong phần *Viết*, GV cần hướng dẫn HS nhận diện những hiện tượng (vấn đề) đời sống quen thuộc cần quan tâm và tìm hiểu để đi đến những kết luận, rút ra ý nghĩa, bài học thiết thực, phù hợp với lứa tuổi. Đời sống của HS trong các mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè và các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi hằng ngày không thiếu những hiện tượng (vấn đề) cần quan tâm và giải quyết để có thể xác định được cách thực hiện hành động, cách sống phù hợp với các chuẩn mực xã hội và với lứa tuổi: *Vì sao cần mặc đồng phục theo quy định của nhà trường? Dùng thiết bị công nghệ có lợi ích, tác hại như thế nào? HS chưa đến tuổi phải kiểm tiển, kiểm soát nhưng cần thể hiện trách nhiệm với gia đình, cộng đồng như thế nào khi tham gia hoạt động thiện nguyện hoặc giúp đỡ người khác? Vì sao cần giữ gìn trường lớp và ngôi nhà của mình xanh, sạch, đẹp? HS cần làm gì để tiết kiệm năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường? Xếp hàng hay không xếp hàng ở nơi công cộng?... Tương tự với đề tài trong các kiểu bài viết khác, mức độ quan tâm và hiểu biết của HS về hiện tượng (vấn đề) cần nêu ý kiến là điều cần được ưu tiên hàng đầu. Đồng thời, GV cũng cần tạo cơ hội cho HS có thể tìm kiếm thông tin, bổ sung vốn sống, vốn hiểu biết về những vấn đề thiết thực với lứa tuổi của các em.*

– Kiểu bài viết biên bản và tóm tắt một VB đơn giản bằng sơ đồ: Được phân bố trong bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*, kiểu bài viết biên bản và tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một VB đơn giản bước đầu hình thành năng lực soạn thảo VB hành chính và tóm tắt VB cho HS. Những kĩ năng viết quan trọng, thiết thực và hữu ích với HS được hình thành qua hai dạng bài mang tính ghi chép này. Với dạng bài viết biên bản, GV cần chú ý việc tạo ngữ cảnh giao tiếp cụ thể cho HS: biên bản cần được ghi chép từ chính cuộc họp, cuộc thảo luận về một vấn đề thực tế của lớp, tổ, nhóm. Với dạng bài tóm tắt VB bằng sơ đồ, HS nên được tổ chức hoạt động viết trên chính những VB đọc của SGK Ngữ văn 6, có thể mở rộng đến những VB cùng chủ đề và tương đồng về hình thức trình bày.

### c. Quy trình dạy học viết

Phần *Viết* trong SGK được sắp xếp sau phần *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) để HS có thể vận dụng kết quả đọc và thực hành tiếng Việt vào hoạt động viết một cách chủ động và hiệu quả. Quy trình căn bản của hoạt động dạy học viết trên lớp có thể hình dung như sau:

*Bước 1:* Giới thiệu kiểu bài.

*Bước 2:* Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài cần viết.



*Bước 3:* Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo.

*Bước 4:* Tổ chức cho HS thực hành viết theo trình tự: trước khi viết, thực hành viết bài, chỉnh sửa bài viết.

*Bước 5:* Chấm bài, trả bài

Trong mỗi bước của quy trình dạy học viết, GV cần chú ý phối hợp hài hoà hoạt động hướng dẫn của thầy cô và hoạt động thực hành của HS. Nghiên cứu kĩ SGK, SHS và căn cứ vào năng lực thực tế của HS để vận dụng quy trình dạy học viết thực sự sinh động và hiệu quả.

#### **d. Phân tích hoạt động dạy học viết từ một kiểu bài cụ thể (kiểu bài nghị luận)**

– Phân tích yêu cầu cần đạt:

+ HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân.

+ Bài viết phải bảo đảm các yêu cầu đối với kiểu VB nghị luận; biết nêu vấn đề và ý kiến về vấn đề đó; biết dùng lí lẽ, bằng chứng và dùng hình thức biểu đạt phù hợp.

– Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

*Hoạt động 1. Giới thiệu kiểu bài*

Từ trước, HS đã được đọc hai VB thuộc kiểu bài nghị luận. Trên cơ sở đó, GV đặt ra một số câu hỏi giúp HS nắm vững kiểu bài mà các em sẽ viết. Ví dụ: VB “*Xem người ta kia!*” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong VB không? Vì sao? Từ việc rút ra đặc điểm của VB đọc, các em có thể thực hành viết VB nghị luận nêu ý kiến của bản thân trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống.

*Hoạt động 2. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)*

Nhận thức về văn nghị luận của HS vẫn còn mơ hồ, vì các em chưa có điều kiện tiếp xúc nhiều với kiểu VB này. Vì thế, GV cần nhắc lại những kiến thức cơ bản về đặc trưng của VB nghị luận mà HS đã thu nhận được qua bài đọc. Có thể nêu một số câu hỏi để HS rút ra các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận từ việc trả lời những câu hỏi đó:

+ Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận trong bài viết? → Yêu cầu: *Bài viết phải nêu được hiện tượng (vấn đề) để bàn luận.*

+ Người viết có suy nghĩ gì trước hiện tượng (vấn đề) đó? → Yêu cầu: *Bài viết phải thể hiện ý kiến riêng của người viết.*

+ Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào đã được sử dụng? → Yêu cầu: *Bài viết phải có các lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục.*

*Hoạt động 3. Đọc và phân tích bài viết tham khảo*

Dựa vào mục *Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)*, GV nêu câu hỏi nhằm định hướng cách phân tích bài viết:

+ Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó? → *Bài văn nêu vấn đề đồng phục của HS khi đến trường.*

+ Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)? → *Người viết tỏ ra đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với HS.*

+ Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì? → *Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường; đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.*

GV nên cho HS làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi đã được nêu lên, chốt lại các ý chính trên cơ sở những ý kiến thảo luận của các em.

**Hoạt động 4. Thực hành viết theo các bước**

+ GV hướng dẫn HS chọn đề tài: Yêu cầu các em đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu. HS cũng có thể tự tìm đề tài mới. Dù chọn đề tài trong SGK hay tự tìm kiếm đề tài, HS cần suy nghĩ về các khía cạnh: *Hiện tượng (vấn đề) có gắn gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em không? Em có hiểu biết gì về hiện tượng (vấn đề) đó? Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về hiện tượng (vấn đề) đó?*

+ GV hướng dẫn HS tìm ý: Sau khi HS chọn được đề tài, GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác tìm ý cho bài nghị luận. Có thể lập phiếu để HS điền các thông tin, cũng chính là các ý tìm được. GV có thể tham khảo phiếu tìm ý như sau:

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Nhiệm vụ:** Tìm ý cho bài văn *Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề).*

**Gợi ý:** Đọc kĩ đề tài, tìm các khía cạnh của hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận, ghi vào các ô ở cột bên phải theo hướng dẫn ở cột bên trái như sau:

Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận	.....
Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề)	.....
Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)?	.....
Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)?	.....

+ Hướng dẫn lập dàn ý: Sau khi HS điền đầy đủ thông tin vào các ô ở cột phải của phiếu, nghĩa là đã hoàn thành việc tìm ý, GV hướng dẫn các em sắp xếp lại theo trật tự hợp lí để có một dàn ý. Dàn ý phải ghi rõ từng phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

+ Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để thực hiện viết bài tại lớp: Nên xem lại bài tham khảo và các VB đã đọc để biết cách viết các phần theo bố cục mà dàn ý đã nêu.



### *Hoạt động 5. Trả bài*

+ GV nhắc lại yêu cầu đối với kiểu bài; trả bài, hướng dẫn HS đọc lại bài, chiếu theo các yêu cầu đã nêu để tự rút ra những ưu điểm và hạn chế trong cách viết của bản thân.

+ Nếu HS có ý kiến thắc mắc về nhận xét, đánh giá của GV, GV cần giải thích thỏa đáng trên tinh thần dân chủ. Hướng dẫn HS tự sửa lại những chỗ đã được GV đánh dấu, nhận xét. Có thể đề nghị các em đọc bài của nhau để trao đổi, học hỏi thêm.

#### **2.2.4. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe**

Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HS chủ động, tự tin khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói và nghe, tạo cơ hội cho nhiều HS được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp. Có thể cho HS chia thành các nhóm có quan điểm, giải pháp không giống nhau để các em tranh luận, qua đó “mài sắc” công cụ ngôn ngữ và tư duy. Chú ý sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như số liệu, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,... để hỗ trợ trong quá trình trình bày.

##### **a. Dạy học nói và nghe theo nguyên tắc giao tiếp**

Để HS thực sự có cơ hội trình bày, chia sẻ, trao đổi trong giờ học nói và nghe theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, với các bài học cụ thể của *Ngữ văn 6*, khi triển khai dạy học phần *Nói và nghe*, GV cần chú ý những nhân tố sau:

- Đối tượng giao tiếp: HS cần xác định được những đề tài, nội dung nói và nghe cụ thể xuất phát từ chính những trải nghiệm, vốn sống của các em. GV cần định hướng để đề tài, nội dung giao tiếp được lựa chọn thực sự gây hứng thú cho HS đồng thời phù hợp với các yêu cầu cần đạt của bài học.

- Nhân vật giao tiếp: HS cần xác định vai trò và các hoạt động phù hợp khi tham gia nói (trình bày vấn đề) hoặc khi nghe (tiếp nhận và phản hồi thích hợp trong khi nghe người khác trình bày).

- Mục đích giao tiếp: Trong mỗi bài học, HS đều được hướng dẫn để xác định rõ mục đích nói. Tuy nhiên, GV cần gợi ý để HS có thể chủ động trình bày mục đích nói và nghe một cách rõ ràng hơn khi thực hiện hoạt động nói và nghe với một đề tài, nội dung xác định: *Muốn làm rõ vấn đề gì nhất? Cần chia sẻ điều gì quan trọng? Mong muốn người nghe nắm bắt được điều gì?*

- Phương tiện giao tiếp: Cùng với khả năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày, trao đổi, thảo luận, tranh luận,... HS cần được hướng dẫn để sử dụng thành thạo các phương tiện ngoài ngôn ngữ hoặc phương tiện kèm ngôn ngữ khi nói và nghe: sơ đồ, hình ảnh, băng hình, các thẻ tín hiệu theo quy ước của GV và HS, ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, cử chỉ),...

##### **b. Dạy học nói và nghe gắn kết với đọc, viết**

GV cần chú ý mối quan hệ tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa các hoạt động đọc, viết với hoạt động nói và nghe trong cách tổ chức bài học của *Ngữ văn 6*. Mối quan hệ này thể hiện trên cả phương diện thể loại, loại VB lẫn chủ đề, cụ thể:

Bài học	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 1. Tôi và các bạn	Truyện đồng thoại và thơ về đề tài tình bạn, sự tôn trọng, đồng cảm và chia sẻ	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	Kể về một trải nghiệm của bản thân
Bài 2. Gõ cửa trái tim	Thơ và truyện về tình yêu thương của những người thân trong gia đình	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình
Bài 3. Yêu thương và chia sẻ	Truyện và thơ về đề tài tình cảm yêu thương, chia sẻ, trong cuộc sống hằng ngày	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	Kể về một trải nghiệm của bản thân
Bài 4. Quê hương yêu dấu	Thơ và tùy bút về đề tài tình cảm gắn bó của con người với quê hương, đất nước	Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát, tập làm một bài thơ lục bát	Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương
Bài 5. Những nẻo đường xứ sở	Kí và thơ về đề tài về đẹp của cuộc sống, con người, quê hương, xứ sở	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến
Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng	Truyện thuyết về lịch sử, văn hoá, phong tục của cộng đồng Việt	Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá)	Kể lại một truyền thuyết
Bài 7. Thế giới cổ tích	Truyện cổ tích thể hiện ước mơ về lẽ phải, sự công bằng, quan niệm về hạnh phúc của nhân dân	Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích	Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật



Bài 8. Khác biệt và gắn gũi	VB nghị luận bàn về sự khác biệt và gắn gũi, đồng cảm và chia sẻ trong mối quan hệ với người thân trong gia đình, bạn bè và những người khác	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm	Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống
Bài 9. Trái Đất – ngôi nhà chung	VB thông tin về môi trường sống và vấn đề bảo vệ môi trường trên Trái Đất	Viết biên bản một cuộc họp, thảo luận và tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một VB đơn giản	Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường
Bài 10. Cuốn sách tôi yêu	Đọc mở rộng theo các chủ đề đã học và đọc VB nghị luận văn học bàn về mối quan hệ giữa vẻ đẹp của quê hương và thơ của một tác giả	Sáng tạo sản phẩm minh họa sách (viết kết hợp vẽ) viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách đã đọc	Giới thiệu sản phẩm minh họa sách, trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

Phần *Nói và nghe* là một trong những điểm nhấn nổi bật, thể hiện việc hiện thực hoá các yêu cầu cần đạt của việc dạy học Ngữ văn theo quan điểm giao tiếp và phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 trong SGK *Ngữ văn 6*. Chính vì thế, trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần chú ý đến việc tổ chức hoạt động nói và nghe bám sát yêu cầu cần đạt của bài học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung của HS.

### **c. Các kiểu bài nói và nghe trong Ngữ văn 6**

Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 6* chủ yếu tập trung vào các kiểu bài chính sau đây:

- Kể (có thể kết hợp miêu tả, trần thuật):
- + Kể về một trải nghiệm của bản thân (bài 1, bài 3)
- + Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến (bài 5)
- + Kể lại một truyền thuyết và cổ tích (bài 6, bài 7):
- Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận):
- + Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình (bài 2)
- + Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương (bài 4)
- + Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (bài 8, bài 9, bài 10).

Thời lượng được phân bố cho hai kiểu bài này tương đương nhau, tạo nên sự kết hợp hài hoà trong 10 bài học ở cả Học kì I và Học kì II. GV cần chú ý cách chuyển đổi đề tài, nội dung nói và nghe theo các chủ đề của bài học và sự phù hợp, gắn gũi của các đề tài này với HS (độ tuổi, vốn sống, tâm lí, các vấn đề của địa phương,...).

#### **d. Quy trình dạy học nói và nghe**

Hoạt động nói và nghe được thực hiện trên lớp, được phân bố sau các phần *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) và *Viết*. Quy trình tổ chức dạy học nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 6* có thể được hình dung đại lược như sau:

*Bước 1:* Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu.

*Bước 2:* Tổ chức, hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói và tập luyện.

*Bước 3:* Tổ chức, hướng dẫn HS trình bày bài nói.

*Bước 4:* Tổ chức, hướng dẫn HS nhận xét, trao đổi về bài nói.

Tùy theo năng lực của HS và yêu cầu của từng kiểu bài mà GV có thể vận dụng quy trình này một cách linh hoạt để bảo đảm hoạt động nói và nghe trên lớp đạt hiệu quả và sinh động. Có thể sử dụng hình thức phân vai, diễn hoạt cảnh ngắn khi tổ chức kể chuyện sáng tạo (truyện thuyết, cổ tích). Có thể kết hợp nhiều câu chuyện thành một kịch bản hấp dẫn để HS tham gia kể và diễn xuất một cách linh hoạt, tạo hứng thú và cuốn hút được nhiều HS tham gia.

### **3. Đánh giá kết quả học tập của HS**

#### **3.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của HS**

Đánh giá kết quả giáo dục trong *Ngữ văn 6* được triển khai tuân thủ định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018 từ mục tiêu đến nội dung, cách thức.

##### **3.1.1. Mục tiêu của hoạt động đánh giá kết quả giáo dục**

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục trong môn *Ngữ văn* là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học. Cụ thể là: 1) Giúp HS tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học của mình, kiểm soát, tự điều chỉnh các hoạt động học tập để từng bước đạt được những yêu cầu cần đạt mà chương trình đã đề ra; 2) Giúp GV nhận biết những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có những hướng dẫn kịp thời cho HS trong quá trình dạy học và điều chỉnh hoạt động dạy học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; 3) Giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng dạy học của nhà trường và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời để nâng cao chất lượng giáo dục; 4) Giúp phụ huynh hiểu rõ những tiến bộ của con em để có biện pháp giáo dục phối hợp với GV.

##### **3.1.2. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục**

– Đánh giá phẩm chất trong môn *Ngữ văn* chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ.



– Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với lớp 6.

+ Để đánh giá kĩ năng đọc, cần tập trung vào yêu cầu hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt thể loại, loại VB và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

+ Đánh giá kĩ năng viết cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: 1) nội dung; 2) kết cấu bài viết; 3) khả năng biểu đạt và lập luận; 4) hình thức ngôn ngữ và trình bày.

+ Đánh giá kĩ năng nói, cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

### **3.1.3. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục**

Việc đánh giá thực hiện bằng hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thông qua việc trả lời những câu hỏi, qua các ý kiến phát biểu, tranh luận, thảo luận của HS; các bài tập, bài thuyết trình, bài viết, các đoạn phim ngắn,... do HS thực hiện; các tư liệu mà HS sưu tầm, bản nháp của các bài viết;...

Đánh giá thường xuyên do GV môn học tổ chức, hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HS, việc HS trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình, làm bài tập, viết đoạn ngắn,...

Đánh giá định kì là hoạt động diễn ra ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kì, cuối cấp) do cơ sở giáo dục các cấp tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì được thực hiện thông qua đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (gồm những câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (gồm những câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu VB đã học trong chương trình. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực

của HS, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các VB ngữ liệu đã học để kiểm tra khả năng đọc hiểu VB.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy lô-gíc, những suy nghĩ và tình cảm của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. HS cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

### **3.2. Một số gợi ý về hình thức, phương pháp đánh giá năng lực trong môn Ngữ văn**

Ngoài hình thức, phương pháp đánh giá được định hướng chung trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 6* thiết kế một số nội dung gợi ý cho việc đánh giá năng lực của HS theo học bộ sách này.

– SGK *Ngữ văn 6* thiết kế các nhiệm vụ học tập đa dạng trong các phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học trong SHS và nhiều mẫu phiếu học tập trong SGK. GV có thể sử dụng một số câu hỏi, bài tập trong phần *Củng cố, mở rộng* và thiết kế các phiếu học tập tương tự theo mẫu để đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS.

Ngoài ra, SHS *Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) còn có SBT kèm theo. GV có thể dựa vào kết quả hoàn thành các bài tập trong SBT để đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của HS trong quá trình học.

– Việc thiết kế để đánh giá giữa học kì (nếu có), cuối học kì và cuối năm học sẽ được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của các cấp quản lí. Tuy nhiên, các hướng dẫn này cũng phải phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá đã được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018: sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng chỉ học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại **các VB ngữ liệu đã học để kiểm tra, đánh giá khả năng đọc hiểu VB. Thời gian dành cho đánh giá đã được tính trong 140 tiết của cả năm học.**

## **IV TÀI LIỆU BỔ TRỢ**

Ngoài SHS và SGK, *Ngữ văn 6* còn có SBT (*Bài tập Ngữ văn 6*, tập một và *Bài tập Ngữ văn 6*, tập hai) được biên soạn theo hướng bám sát các yêu cầu cần đạt của SHS. Sách gồm hai phần, phần một: *Bài tập*, phần hai: *Gợi ý làm bài*.

Phần một gồm các bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú với những bài tập này. Sách dùng khoảng 50% ngữ liệu lấy từ SHS và khoảng 50% ngữ liệu mới, thường là đoạn trích hoặc VB ngắn. Hướng sử dụng ngữ liệu này nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá năng lực của người học, tránh được tình trạng hoàn thành bài tập chỉ nhờ ghi nhớ máy móc.

Dưới mỗi VB hoặc đoạn trích có một số câu hỏi (thuộc ba cấp độ: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng) kiểm tra khả năng đọc hiểu nội dung, đặc điểm thể loại hay loại VB và khả năng vận dụng kiến thức tiếng Việt của HS. Với ngữ liệu là VB 1, VB 2, VB 3 trong SHS hoặc đoạn trích từ những VB này thì các câu hỏi đọc hiểu trong sách sẽ tập trung



khai thác các khía cạnh nội dung và nghệ thuật mà SHS chưa khai thác. Vì vậy, HS vẫn cần phải tự đọc VB để trả lời câu hỏi. Với VB thực hành đọc, sách có hệ thống câu hỏi đọc hiểu giúp HS tự đánh giá kết quả đọc của mình để hoàn thành nhiệm vụ thực hành đọc. Sách cũng thiết kế một số đề luyện viết thuộc các kiểu bài HS đã được thực hành trong SHS, nhưng chỉ yêu cầu viết đoạn với những nội dung phong phú nhằm tạo thêm cơ hội cho HS được luyện tập và phát triển kỹ năng viết. Ngoài ra, HS cũng có cơ hội thực hành nói và nghe. Các bài tập được thiết kế căn cứ vào yêu cầu cần đạt về nói và nghe của mỗi bài trong SHS. HS cần chuẩn bị nội dung cụ thể để nói; sách có một số gợi ý, hướng dẫn để HS thực hành. HS có thể thực hành nói ở nhà hoặc ở lớp; HS cũng có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghe và trao đổi, thảo luận sau khi nói.

Phần hai của sách là *Gợi ý làm bài*. Với những câu hỏi tự luận, sách không đưa đáp án có sẵn, nhưng có gợi ý đủ rõ giúp HS có thể kiểm tra kết quả làm bài của mình; phần nào HS không tự làm được thì có thể dựa vào gợi ý để hoàn thành. Nhờ đó, HS có thể sử dụng sách này để tự học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

*Bài tập Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) không chỉ là tài liệu giúp HS phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà còn là công cụ hỗ trợ cho GV trong việc thiết kế các bài tập hoặc để kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới.



KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG